BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 445/QĐ-ĐHTM ngày 26 tháng 3 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại)

Chương trình đào tạo:	**Marketing thương mại (Commercial Marketing)**
Trình độ đào tạo:	**Đại học**
Ngành đào tạo:	**Marketing**
Mã ngành:	**7340115**
Hình thức đào tạo:	**Từ xa**
Ngôn ngữ đào tạo:	**Tiếng Việt**
Thời gian đào tạo:	**4 năm**

1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

- Chương trình đào tạo hình thức từ xa Marketing thương mại đã được ban hành theo Quyết định số 1734 /QĐ-ĐHTM ngày 13/10/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại

- Lần rà soát, đánh giá năm 2024, chương trình đào tạo hình thức từ xa đã cập nhật theo chương trình đào tạo chính quy của ngành đào tạo tương ứng (được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 443/QĐ-ĐHTM ngày 25/03/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại).

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo từ xa

- *Mục tiêu chung*: Chương trình Marketing thương mại là chương trình đào tạo (CTĐT) định hướng ứng dụng, có mục tiêu là đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức, có thái độ đúng đắn, có năng lực tự chủ và trách nhiệm, có năng lực tự học và học tập suốt đời, có sức khỏe tốt; nắm vững nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội, nguyên lý và qui luật trong kinh tế và kinh doanh, hiểu biết rộng và bao quát những kiến thức cơ bản, cơ sở và bổ trợ về kinh tế - quản lý - kinh doanh, có kiến thức toàn diện về ngành Marketing, nắm vững các kiến thức chuyên sâu về chuyên ngành Marketing thương mại. Người học

tốt nghiệp có được các kiến thức lý luận, thực tiễn cốt lõi của ngành marketing và chuyên ngành marketing thương mại, đáp ứng nhu cầu xã hội về nguồn nhân lực có trình độ đại học thuộc các lĩnh vực thương mại và marketing hiện đại trong môi trường kinh doanh trong nước và quốc tế luôn biến động và sự phát triển mạnh mẽ của môi trường số và kinh tế tri thức và theo hướng bền vững.

- Mục tiêu cụ thể:

Chương trình đào tạo Marketing thương mại nhằm mục tiêu cụ thể là đào tạo người học vận dụng được kiến thức đại cương, kiến thức kinh tế, quản lý, kinh doanh và thương mại vào trong công việc.

Người học tốt nghiệp vận dụng tốt kiến thức lý thuyết và thực tiễn và các kỹ năng của ngành Marketing, vận dụng và thực hành được các kiến thức và kỹ năng căn bản, cập nhật và phát triển về ngành và các kiến thức và các kỹ năng chuyên sâu của chuyên ngành Marketing thương mại.

Người học tốt nghiệp vận dụng kiến thức lý thuyết và thực tiễn của chuyên ngành marketing, thực hành được các kỹ năng chuyên sâu của chuyên ngành, vận dụng các kiến thức và kỹ năng về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình marketing của đơn vị hoặc tổ chức.

Người học tốt nghiệp có thể học ở các bậc học cao hơn về marketing và kinh doanh và thương mại trong và ngoài nước.

3. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

3.1. Yêu cầu về kiến thức

Người học tốt nghiệp biết vận dụng các kiến thức sau:

(PLO1): Vận dụng các kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật.

(PLO2): Vận dụng sáng tạo các kiến thức nguyên lý, quy luật, lý luận và thực tiễn của tự nhiên, xã hội, kinh tế, chính trị Việt Nam và thế giới vào hoạt động kinh doanh và marketing của đơn vị/ doanh nghiệp; Vận dụng sáng tạo các kiến thức lập kế hoạch marketing và marketing hỗn hợp của doanh nghiệp.

3.2. Yêu cầu về kỹ năng

Người học tốt nghiệp biết thực hiện các kỹ năng của ngành marketing và chuyên ngành Marketing thương mại gồm:

(PLO3): Biết thực hiện các kỹ năng quản trị hoạt động nghiên cứu marketing, phân tích marketing và giải quyết các vấn đề của marketing và marketing thương mại;

(PLO4): Biết thực hiện các kỹ năng lập và kiểm soát chiến lược marketing và chiến lược marketing thương mại;

(PLO5): Biết thực hiện các kỹ năng quản trị từng thành tố marketing mix trong hoạt động marketing và marketing thương mại của đơn vị;

(PLO6): Biết thực hiện các kỹ năng quản trị các hoạt động marketing thương mại bán buôn, marketing thương mại bán lẻ của đơn vị/ doanh nghiệp, quản trị công nghệ marketing bán buôn và công nghệ marketing bán lẻ của đơn vị/ doanh nghiệp;

(PLO7): Kỹ năng tổ chức và quản lý, thực hiện theo nhiệm vụ được phân công; làm việc nhóm; lập báo cáo, trình diễn vấn đề; kỹ năng giao tiếp và truyền thông.

3.3. Yêu cầu về mức độ tự chủ và trách nhiệm

Người học tốt nghiệp làm chủ được năng lực và hình thành được các năng lực và thái độ sau:

(PLO8): Có năng lực phân tích, lập kế hoạch, đánh giá, phản biện, phê phán và dẫn dắt, điều phối về nghiệp vụ, các hoạt động chuyên môn marketing và marketing thương mại của cá nhân, nhóm, của đơn vị/ doanh nghiệp;

(PLO9): Có năng lực tự học tập suốt đời, năng lực cập nhật kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp, năng lực thích ứng, cải tiến, sáng tạo trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao;

(PLO10): Có ý thức vượt khó, phấn đấu vươn lên trong học tập, trong thực hiện các nhiệm vụ, có tinh thần khởi nghiệp;

(PLO11): Có ý thức và thực hiện nghiêm chỉnh chấp hành nội quy, quy chế, và các qui định, Có ý thức tích cực tham gia các hoạt động tập thể, ngoại khóa.

2.4. Yêu cầu về ngoại ngữ và tin học

Người học tốt nghiệp đạt chuẩn biết thực hiện các kỹ năng:

(PLO12): Đạt chuẩn tiếng Anh trình độ bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam theo Quy định chuẩn đầu ra Tiếng Anh đối với sinh viên trình độ đại học của Trường Đại học Thương mại.

(PLO13): Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo Quy định về yêu cầu chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin đối với sinh viên trình độ đại học của Trường Đại học Thương mại.

4. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 131 tín chỉ (trong đó: 120 tín chỉ học tập và tốt nghiệp, 11 tín chỉ Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh). Ngoài ra, Trường còn cung cấp cho người học kiến thức Nhập môn Internet & Elearning trước khi người học

được đào tạo các học phần chính khóa.

5. Đối tượng tuyển sinh:

Đối tượng tuyển sinh xác định theo Theo Quy chế tuyển sinh đại học và Đề án tuyển sinh đại học của Trường Đại học Thương mại.

6. Quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp:

Quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp theo quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Thương mại về đào tạo từ xa trình độ đại học.

7. Phương thức đánh giá:

Phương thức đánh giá theo thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ, được quy định cụ thể trong quy định khảo thí đối với hình thức đào tạo từ xa của Trường Đại học Thương mại.

8. Nội dung chương trình đào tạo

8.1. Khung chương trình đào tạo

STT	Khối kiến thức và các học phần	Mã HP	Số TC	Cấu trúc
1	**KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG**		**40**	
1.1.	**Giáo dục đại cương**		**29**	
1.1.1	***Các học phần bắt buộc***		**27**	
1	Triết học Mác - Lê Nin	TXMLNP0221	3	36,18
2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	TXHCMI0121	2	24,12
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	TXHCMI0111	2	24,12
4	Kinh tế chính trị Mác - Lê Nin	TXRLCP1211	2	24,12
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	TXHCMI0131	2	21,18
6	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	24,12
7	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	24,12
8	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	24,12
9	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	24,12
10	Toán đại cương	TXAMAT1011	3	36,18
11	Tin học quản lý	TXINFO0311	3	36,18
12	Phương pháp nghiên cứu khoa học	TXSCRE0111	2	24,12
1.1.2	***Các học phần tự chọn***		**2**	
	Chọn 2 TC trong các HP sau:			

STT	Khối kiến thức và các học phần	Mã HP	Số TC	Cấu trúc
1	Thực hành khai thác dữ liệu trên mạng internet	TXeCOM2111	2	0,60
2	Chuyển đổi số trong kinh doanh	TXPCOM1111	2	24,12
1.2	**Giáo dục thể chất**		**3**	
1	Giáo dục thể chất chung	TXGDTC1611	1	12,18
1.2.2	***Các học phần tự chọn***		***2***	
	Chọn 2 TC trong các HP sau:			
1	Bóng ném	TXGDTC0721	1	12,18
2	Bóng chuyền	TXGDTC0621	1	12,18
3	Cầu lông	TXGDTC0521	1	12,18
4	Bóng bàn	TXGDTC1621	1	12,18
5	Cờ vua	TXGDTC0921	2	24,36
6	Bóng rổ	TXGDTC0821	1	12,18
7	Thể dục thẩm mỹ 1	TXGDTC1811	1	12,18
8	Thể dục thẩm mỹ 2	TXGDTC1911	1	12,18
1.3	**Giáo dục Quốc phòng – An ninh**		**8**	
2	**KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP**		**91**	
2.1.	**Kiến thức cơ sở ngành**		**30**	
2.1.1.	***Các học phần bắt buộc***		***19***	
1	Kinh tế vi mô 1	TXMIEC0111	3	36,18
2	Kinh tế vĩ mô 1	TXMAEC0111	3	36,18
3	Quản trị học	TXBMGM0111	3	36,18
4	Marketing căn bản	TXBMKT0111	3	36,18
5	Thương mại điện tử căn bản	TXPCOM0111	3	36,18
6	Tiếng Anh thương mại 1	TXENTI3311	2	24,12
7	Tiếng Anh thương mại 2	TXENTI3411	2	24,12
2.1.2	***Các học phần tự chọn***		**11**	
	Chọn 11 TC trong các HP sau:			
1	Quản trị chiến lược	TXSMGM0111	3	36,18
2	Luật kinh tế 1	TXPLAW0321	3	36,18

STT	Khối kiến thức và các học phần	Mã HP	Số TC	Cấu trúc
3	Nhập môn tài chính – tiền tệ	TXEFIN2811	3	36,18
4	Luật cạnh tranh và bảo vệ người tiêu dùng	TXPLAW2911	3	36,18
5	Nguyên lý thống kê	TXANST0211	3	36,18
6	Quản trị dịch vụ	TXTEMG2911	3	36,18
7	Khởi sự kinh doanh	TXCEMG4111	2	24,12
8	Luật thương mại điện tử	TXPLAW1411	2	24,12
2.2.	**Kiến thức ngành (bao gồm chuyên ngành)**		**39**	
2.2.1.	***Các học phần bắt buộc***		*27*	
	Kiến thức ngành		*15*	
1	Hành vi khách hàng	TXBMKT3811	3	36,18
2	Nghiên cứu marketing	TXBMKT4011	3	36,18
3	Quản trị marketing 1	TXMAGM0411	3	36,18
4	Quản trị chất lượng	TXQMGM0911	3	36,18
5	Truyền thông marketing*	TXMAGM1421	3	34,12,5
	Kiến thức chuyên ngành		*12*	
1	Quản trị marketing 2	TXMAGM0511	3	36,18
2	Marketing B2B	TXMAGM0721	3	36,18
3	Marketing quốc tế	TXMAGM0211	3	36,18
4	Marketing thương mại*	TXBMKT2721	3	34,12,5
2.2.2.	***Các học phần tự chọn***		*12*	
	Chọn 12 TC trong các HP sau:			
1	Marketing ngân hàng	TXMAGM0821	3	36,18
2	Marketing thương mại điện tử	TXSMGM0511	3	36,18
3	Quản trị bán hàng	TXCEMG2621	3	36,18
4	Marketing du lịch	TXTMKT0511	3	36,18
5	Quản trị Thương mại điện tử 1	TXeCOM2011	3	36,18
6	Quản trị công ty	TXSMGM3111	3	36,18
7	Quản trị chuỗi cung ứng	TXBLOG2011	3	36,18
8	Quản trị thương hiệu 2	TXBRMG2111	3	36,18
2.3.	**Kiến thức bổ trợ**		**12**	
2.3.1.	***Các học phần bắt buộc***		*6*	

STT	Khối kiến thức và các học phần	Mã HP	Số TC	Cấu trúc
1	Quản trị Logistics kinh doanh	TXBLOG1511	3	36,18
2	Quản trị thương hiệu 1	TXBRMG2011	3	36,18
2.3.2.	***Các học phần tự chọn***		*6*	
	Chọn 6 TC trong các HP sau:			
1	Chiến lược kinh doanh quốc tế	TXSMGM2111	3	36,18
2	Nguyên lý kế toán	TXFACC0111	3	36,18
3	Quản trị nhân lực căn bản	TXCEMG0111	3	36,18
4	Nguyên lý quản lý kinh tế	TXTECO2031	3	36,18
2.4	**Thực tập nghề nghiệp và làm tốt nghiệp khóa học**		**10**	
1	Thực tập và viết Báo cáo thực tập tổng hợp	TXREPC1211	3	0,90
2	Thực tập và viết Khóa luận tốt nghiệp	TXLVVC1611	7	0,210

Ghi chú:

- Tổng số tín chỉ tích lũy tối thiểu toàn khóa học: 131 tín chỉ với 120 tín chỉ học tập và tốt nghiệp, 11 TC Giáo dục thể chất *và Giáo dục Quốc phòng – An ninh. Trong 120 TC học tập và tốt nghiệp có 89 tín chỉ bắt buộc và 31 tín chỉ tự chọn.*

*- Học phần có dấu * là học phần có báo cáo thực tế*

8.2. Mô tả các học phần (xem phụ lục đính kèm)

9. Hướng dẫn thực hiện chương trình

TT	Kỳ học	Học phần	Số TC
1	KỲ I	Khối kiến thức GDĐC	14-17 TC
		Khối kiến thức cơ sở ngành	03 TC
		Tổng cộng	**16-17 TC**
2	KỲ II	Khối kiến thức GDĐC	03-05 TC
		Khối kiến thức cơ sở ngành	11-13 TC
		Giáo dục thể chất	01 TC
		Tổng cộng	**16-17 TC**
3	NĂM NHẤT	**Giáo dục Quốc phòng – An ninh**	**08 TC**
4	KỲ III	Khối kiến thức GDĐC	04-06 TC
		Khối kiến thức cơ sở ngành	09-12 TC

		Giáo dục thể chất	02 TC
		Tổng cộng	**16-17 TC**
5	KỲ IV	Khối kiến thức GDĐC	2-4 TC
		Khối kiến thức cơ sở ngành	2-4 TC
		Khối kiến thức ngành, chuyên ngành	09-12 TC
		Khối kiến thức bổ trợ	0-03 TC
		Tổng cộng	**15-17 TC**
6	KỲ V	Khối kiến thức GDĐC	2-4 TC
		Khối kiến thức cơ sở ngành	02 TC
		Khối kiến thức ngành, chuyên ngành	09-12 TC
		Khối kiến thức bổ trợ	0-03 TC
		Tổng cộng	**15-17 TC**
7	KỲ VI	Khối kiến thức cơ sở ngành	0-02 TC
		Khối kiến thức ngành, chuyên ngành	09-12 TC
		Khối kiến thức bổ trợ	03-06 TC
		Tổng cộng	**15-17 TC**
8	KỲ VII	Khối kiến thức ngành, chuyên ngành	09-12 TC
		Khối kiến thức bổ trợ	03-06 TC
		Tổng cộng	**15-17 TC**
9	KỲ VIII	Thực tập nghề nghiệp và làm tốt nghiệp khóa học	**10TC**
	TỔNG CỘNG		**131TC**

Lưu ý:

- Kế hoạch đào tạo chuẩn của chương trình đào tạo là 4 năm. Sinh viên có thể học theo tiến độ nhanh để tốt nghiệp sớm so với kế hoạch đào tạo chuẩn hoặc tốt nghiệp muộn nhưng không quá thời gian đào tạo tối đa theo quy định.

- Mỗi năm học có 2 học kỳ chính, mỗi học kỳ chính 15 tuần (trừ học kỳ đầu của khóa học). Ngoài các học kỳ chính, Trường có thể tổ chức thêm học kỳ phụ.

- Phương thức đào tạo theo tín chỉ.

- Trong hai học kỳ đầu của khóa học, sinh viên được đăng ký học tập mặc định; Từ học kỳ thứ 3 trở đi, sinh viên tự đăng ký học tập theo kế hoạch giảng dạy của Trường.

- Khối lượng kiến thức và cách đánh giá học phần được quy định trong đề cương chi tiết của mỗi học phần.

- Điều kiện tốt nghiệp: Sinh viên tích lũy đủ khối lượng kiến thức của chương trình đào tạo; đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ, công nghệ thông tin; có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng – An ninh; hoàn thành chương trình Giáo dục thể chất và các quy định khác của Trường.

HIỆU TRƯỞNG	**TRƯỞNG KHOA**
BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI	
PGS,TS Nguyễn Hoàng	**PGS,TS Phan Thị Thu Hoài**

PHỤ LỤC 1. MÔ TẢ CÁC HỌC PHẦN

STT	Các học phần	KHỐI KIẾN THỨC VÀ HỌC PHẦN
1		**KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG**
1.1.		**Các học phần bắt buộc**
		Kiến thức đại cương bắt buộc
1	Triết học Mác - Lênin	**Số tín chỉ: 3 TC (36,18)** **Mô tả vắn tắt học phần**: Học phần Triết học Mác-Lênin gồm 3 chương: Chương I trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác-Lênin và vai trò của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội. Chương 2 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế - xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người
2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	**Số tín chỉ: 2 TC (24,12)** **Mô tả vắn tắt học phần:** Học phần gồm 7 chương với những nguyên lý cơ bản nhất của chủ nghĩa xã hội khoa học: Vấn đề sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, về xã hội xã hội chủ nghĩa và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội; về dân chủ xã hội chủ nghĩa; nhà nước xã hội chủ nghĩa; cơ cấu xã hội giai cấp, liên minh giai cấp, tầng lớp; các vấn đề chính trị - xã hội. Thông qua đó, người học có nhận thức đúng đắn để thực hiện thắng lợi đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội của Đảng và Nhà nước ta.
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	**Số tín chỉ: 2 TC (24,12)** **Mô tả vắn tắt học phần:** Học phần bao gồm 6 chương, trong đó, chương 1 giới thiệu về khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh. Tiếp theo, từ chương 2 đến chương 6, giới thiệu khái quát về những nội dung cơ bản trong hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh, bao gồm: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế; Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người.
4	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	**Số tín chỉ: 2 TC (24,12)** **Mô tả vắn tắt học phần:** Nghiên cứu hàng hóa, tiền tệ, thị trường và các quy luật thị trường chi phối sản xuất và trao đổi hàng hóa. Đồng thời thấy được vai trò của các chủ thể tham gia thị trường. Giới thiệu giúp người học nắm được bản chất và quá trình sản xuất giá trị thặng dư, sự lớn lên của tư bản và quan hệ lợi ích trong nền kinh tế thị trường (phân chia giá trị thặng dư). Người học nghiên cứu về quan hệ cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường. Định hướng cho người học nghiên cứu và hiểu được kinh tế thị trường, cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam.Nghiên cứu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.Gợi ý những vấn đề sinh viên vận dụng vào các lĩnh vực học tập, nghiên cứu và công tác của mình

5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	**Số tín chỉ: 2 TC (21,18)** **Mô tả vắn tắt học phần:** Học phần trình bày khái quát đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Bên cạnh đó, học phần làm rõ sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam và quá trình Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính chính quyền (1930-1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên CNXH và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Qua đó, khẳng định những thắng lợi lớn của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng và những bài học về sự lãnh đạo của Đảng.
6	Pháp luật đại cương	**Số tín chỉ: 2 TC (24,12)** **Mô tả vắn tắt học phần:** Là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo của sinh viên, thuộc khối kiến thức đại cương dành cho các chuyên ngành đào tạo trừ chương trình đào tạo của ngành Luật kinh tế. Học phần bao gồm những nội dung cơ bản sau: Nguồn gốc, bản chất, chức năng, hình thức, đặc điểm, Bộ máy Nhà nước CHXHCN Việt Nam; nguồn gốc, bản chất, đặc điểm, các mối quan hệ của pháp luật; cơ cấu quy phạm pháp luật và các hình thức thực hiện pháp luật; các thành phần quan hệ pháp luật và căn cứ làm phát sinh quan hệ pháp luật; các hình thức pháp luật và các văn bản quy phạm pháp luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam; yếu tố cấu thành hành vi vi phạm pháp luật và các loại trách nhiệm pháp lý; một số nội dung cơ bản của Luật dân sự như: giao dịch dân sự, chế định quyền sở hữu, chế định quyền thừa kế; một số nội dung cơ bản của Luật hành chính như: đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh, đặc điểm và các yếu tố cấu thành quan hệ pháp luật hành chính, phân biệt Luật hành chính với một số ngành luật khác; một số nội dung cơ bản của Luật Hình sự như: chế định về Tội phạm, Chế định về hình phạt và các chế định khác. Trong chương trình học còn đề cập đến các nội dung quan trọng liên quan đến Luật Phòng chống tham nhũng bao gồm : Khái niệm, đặc điểm và các hành vi tham nhũng, nguyên nhân và tác hại của tham nhũng, ý nghĩa tầm quan trọng của công tác phòng chống tham nhũng, trách nhiệm của công dân trong phòng chống tham nhũng
7	Tiếng Anh 1	**Số tín chỉ: 2 TC (24,12)** **Mô tả vắn tắt học phần:** Học phần "*Tiếng Anh 1*" gồm 4 bài đầu của giáo trình *"Life (A2-B1)"* của John Huges, Helen Stephenson và Paul Dummett (Vietnam edition, 2nd edition). Học phần trang bị cho sinh viên các hiện tượng ngữ pháp cơ bản trong tiếng Anh và cung cấp từ vựng liên quan đến các chủ điểm khác nhau. Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết, rèn tư duy phản biện và thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống hàng ngày. Ngoài ra giáo trình cũng cung cấp cho người học những kiến thức về văn hoá của nhiều quốc gia trên thế giới.
8	Tiếng Anh 2	**Số tín chỉ: 2 TC (24.12)** **Mô tả vắn tắt học phần:** Học phần "*Tiếng Anh 2*" sử dụng bài 5,6,7,8 trong giáo trình *"Life (A2-B1)"* của John Huges, Helen Stephenson và Paul Dummett (Vietnam edition, 2nd edition). Học phần giới thiệu các hiện tượng ngữ pháp cơ bản trong tiếng Anh và cung cấp từ vựng liên quan đến một số chủ điểm. Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết, rèn tư duy phản biện và thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống xã hội. Ngoài ra giáo trình cũng cung cấp cho người học những kiến thức về văn hoá của nhiều nước trên thế giới.
9	Tiếng	**Số tín chỉ: 2 TC(24, 12)**

	Anh 3	**Mô tả vắn tắt học phần:** Học phần được xây dựng dựa trên cuốn "Life" – trình độ Pre-Intermediate. Học phần gồm 4 bài cung cấp nội dung kiến thức theo chủ điểm: kỳ nghỉ, sản phẩm, lịch sử và tự nhiên. Học phần cũng cung cấp cho người học các chủ điểm ngữ pháp gồm: thời quá khứ hoàn thành, câu hỏi chủ ngữ, bị động, câu tường thuật, câu điều kiện loại 2. Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể nêu ý kiến, thuyết trình, đưa ra yêu cầu và gợi ý, nêu giải pháp; viết email yêu cầu, bài đánh giá, tiểu sử, bài báo và giao tiếp theo các chủ điểm đã được học.
10	Toán đại cương	**Số tín chỉ: 3 TC (36,18)** **Mô tả vắn tắt học phần:** Học phần cung cấp một số kiến thức cơ bản về Đại số tuyến tính và Giải tích: ma trận, hệ phương trình tuyến tính, vectơ, các phép toán vi phân và tích phân của hàm một biến số và hàm nhiều biến số. Đồng thời, học phần cũng cung cấp kiến thức cơ bản về Lý thuyết xác suất và Thống kê toán: biến cố và xác suất của biến cố, một số quy luật phân phối xác suất của đại lượng ngẫu nhiên, ước lượng tham số và kiểm định giả thuyết thống kê về tham số của đại lượng ngẫu nhiên.
11	Tin học quản lý	**Số tín chỉ: 3TC (36,18)** **Mô tả vắn tắt học phần:** Là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức đại cương đối với sinh viên chuyên ngành Quản trị HTTT, cung cấp các kiến thức cơ bản và nền tảng cho việc nghiên cứu và học tập các học phần chuyên ngành như: cơ sở lập trình, cơ sở dữ liệu,….Ngoài ra đây là học phần phục vụ cho việc quản lý và sử dụng các kỹ năng cơ bản của máy tính để đáp ứng cho công việc, cũng như đáp ứng chuẩn đầu ra của trường. Đồng thời còn củng cố các kiến thức cho các môn học chuyên ngành. Học phần bao gồm các khối kiến thức đại cương về máy tính điện tử, về hệ điều hành (MS- Windows), hệ soạn thảo văn bản (Microsoft Word), Trình diễn văn bản (PowerPoint), Bảng tính điện tử (Microsoft Excel) và mạng máy tính.
12	Phương pháp nghiên cứu khoa học	**Số tín chỉ: 2 TC (24,12)** **Mô tả vắn tắt học phần:** Học phần phương pháp nghiên cứu khoa học là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong tất cả các chương trình đào tạo hệ chính quy các chuyên ngành. Học phần cung cấp các kiến thức, kỹ năng về phương pháp nghiên cứu khoa học, cách thức thiết kế nghiên cứu và thực hiện tổng quan nghiên cứu, cách thức thu thập và phân tích dữ liệu theo các phương pháp nghiên cứu phù hợp, cách thức soạn thảo và thuyết trình kết quả nghiên cứu. Hoàn thành học phần, sinh viên có kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu khoa học, có thể độc lập và hợp tác trong triển khai nghiên cứu khoa học.
1.2.		**Các học phần tự chọn**
		Chọn 2 TC trong các HP sau:
1	Thực hành khai thác dữ liệu trên mạng Internet	**Số tín chỉ: 2 TC (0,60)** **Mô tả vắn tắt học phần:** Học phần Thực hành khai thác dữ liệu trên mạng Internet là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành của Ngành Thương mại điện tử (TMĐT) và chuyên ngành Quản trị TMĐT. Học phần cung cấp các kỹ năng chuyên sâu trong sử dụng công cụ tìm kiếm với các kỹ thuật, câu lệnh, cú pháp chủ yếu cho người dùng khai thác dữ liệu trên Internet, sao cho việc tìm kiếm các thông tin theo yêu cầu được thực hiện một cách chính xác và tổng hợp thông tin một cách nhanh chóng mà không phải loại bỏ những kết quả tìm kiếm không phù hợp. Học phần cung cấp cho người học kỹ năng sử dụng 6 loại máy tìm kiếm thông dụng

		nhất hiện nay trên thế giới : Google, Facebook Graph Search, Facebook Trends, Yahoo, ODP, Gigablast, Bing, AOL.
2	Chuyển đổi số trong KD	**Số tín chỉ: 2 TC (24,12)** **Mô tả vắn tắt học phần:** Học phần trình bày các khái niệm và những vấn đề lý thuyết liên quan đến chuyển đổi cho doanh nghiệp; Hệ thống hóa các nội dung về chuyển đổi số mô hình kinh doanh của doanh nghiệp; Cung cấp các nội dung về nền tảng công nghệ của chuyển đổi số, giới thiệu một lộ trình gồm 5 giai đoạn để giúp doanh nghiệp có cách tiếp cân chuyển đổi số phù hợp.
1.3.		**Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng và an ninh**
1.3.1		Giáo dục thể chất
1.3.1.1		*Các học phần bắt buộc*
		Giáo dục thể chất chung
1.3.1.2		*Các học phần tự chọn*
		Chọn 2 TC trong các HP sau:
1		Bóng ném
2		Bóng chuyền
3		Cầu lông
4		Bóng bàn
5		Cờ vua
6		Bóng rổ
7		Thể dục thẩm mỹ 1
8		Thể dục thẩm mỹ 2
2		**KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP**
2.1.		**Kiến thức cơ sở ngành**
2.1.1.		***Các học phần bắt buộc***
1	Kinh tế vĩ mô 1	**Số tín chỉ: 3 TC (36,18)** **Mô tả vắn tắt học phần:** Học phần giới thiệu kiến thức cơ bản của kinh tế vĩ mô, trước hết là phần khái quát về mục tiêu, công cụ kinh tế vĩ mô với mô hình AD – AS. Sau đó là đo lường các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô cơ bản như sản lượng, việc làm, giá cả… Tiếp theo là các phân tích về tổng cầu và chính sách tài khóa, tiền tệ và chính sách tiền tệ, tác động của hai chính sách kinh tế vĩ mô trung tâm là chính sách tài khoá và chính sách tiền tệ tới giá cả, sản lượng và việc làm. Kế đến học phần giới thiệu về chu kỳ kinh tế với các mối quan hệ của thất nghiệp và lạm phát trong ngắn hạn và dài hạn. Cuối cùng là giới thiệu về kinh tế vĩ mô trong nền kinh tế mở với thị trường trường ngoại hối và tác động của chính sách tài khóa và tiền tệ đến các mục tiêu kinh tế vĩ mô
2	Kinh tế vi mô 1	**Số tín chỉ: 3 TC (36,18)** **Mô tả vắn tắt học phần:** Kinh tế vi mô là học phần thuộc nhóm kiến thức cơ sở ngành, cung cấp những nguyên lý cơ bản của kinh tế vi mô. Học phần cung cấp cho người học phương pháp và công cụ nghiên cứu cácvấn đề cơ bản của thị trường như cung - cầu, giá cả thị trường hàng hóa, dịch vụ và thị trường các yếu tố sản xuất. Thêm vào đó, học phần đi sâu phân tích lý thuyết về hành vi người tiêu dùng

		và hành vi của doanh nghiệp trong các cấu trúc thị trường khác nhau. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ, là cơ sở và nền tảng cho việc nghiên cứu chuyên sâu các lĩnh vực kinh tế và quản trị kinh doanh.
3	Quản trị học	**Số tín chỉ: 3 TC (36,18)** **Mô tả vắn tắt học phần:** Học phần bao gồm những nội dung cơ bản sau: Khái niệm và bản chất của quản trị, môi trường quản trị, các lý thuyết quản trị. Nhà quản trị và vai trò của nhà quản trị, các cấp bậc nhà quản trị, các kỹ năng và trách nhiệm xã hội của nhà quản trị. Thông tin quản trị và ra quyết định quản trị. Kiến thức chuyên sâu về các chức năng của quản trị, bao gồm: chức năng hoạch định, chức năng tổ chức, chức năng lãnh đạo, chức năng kiểm soát.
4	Marketing căn bản	**Số tín chỉ: 3 TC (36,18)** **Mô tả vắn tắt học phần** Học phần Marketing căn bản là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành quản trị kinh doanh và marketing. Ngoài nội dung khái quát giới thiệu bản chất và các quan điểm tiếp cận marketing, học phần tập trung giới thiệu hai khối kiến thức căn bản về marketing. Một là, hiểu biết về môi trường marketing, thị trường, hành vi mua của khách hàng và hệ thống thông tin marketing; hai là: nguyên lý ứng xử cơ bản của marketing nhằm cung cấp những lợi ích và giá trị cho khách hàng, trong đó có chiến lược marketing và ứng xử marketing–mix (4Ps) với các chính sách: sản phẩm; giá; phân phối và truyền thông phù hợp với thị trường mục tiêu. Học phần cũng mở ra những triển vọng cho việc áp dụng và phát triển tư duy marketing hiện đại trong thế kỉ 21.
5	Thương mại điện tử căn bản	**Số tín chỉ: 3 TC (36,18)** **Mô tả vắn tắt học phần:** Học phần Thương mại điện tử căn bản là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành Thương mại điện tử và một số ngành trong khối ngành Kinh doanh và quản lý. Môn học trang bị những kiến thức căn bản và những ứng dụng thực tiễn của thương mại điện tử trong doanh nghiệp bao gồm: những khái niệm cơ bản, những nguyên lý về thị trường và khách hàng, những mô hình kinh doanh chính yếu trên Internet hiện nay, những yếu tố tổ chức và kết cấu hạ tầng, những hoạt động đặc trưng như thanh toán điện tử, dịch vụ hỗ trợ, an toàn, bảo mật và các khía cạnh văn hóa, đạo đức, xã hội của thương mại điện tử.
6	Tiếng Anh thương mại 1	**Số tín chỉ: 2 TC (24,12)** **Mô tả vắn tắt học phần:** Học phần *Tiếng Anh thương mại 1* được thiết kế đặc thù dành cho các sinh viên đã hoàn thành 3 học phần tiếng Anh cơ sở theo chương trình đào tạo chung của nhà trường. Học phần giúp người học phát triển toàn diện 4 kỹ năng ngôn ngữ gồm nghe – nói – đọc – viết, trang bị và củng cố từ vựng, giới thiệu và cung cấp cơ hội rèn luyện các hiện tượng ngữ pháp. Nội dung học phần xoay quanh các chủ điểm trong lĩnh vực kinh doanh và thương mại. Người học thực hành các kỹ năng ngôn ngữ thông qua nhiều hoạt động khác nhau trên lớp dưới sự hướng dẫn của giáo viên và được yêu cầu hoàn thành một số hoạt động tự học trước và sau giờ học.
7	Tiếng Anh thương mại 2	**Số tín chỉ: 2 TC (24,12)** **Mô tả vắn tắt học phần:** Học phần *Tiếng Anh thương mại 2* là sự tiếp nối học phần *Tiếng Anh thương mại 1* được thiết kế theo định hướng ngôn ngữ thương mại. Học phần giúp người học phát triển toàn diện 4 kỹ năng ngôn ngữ gồm nghe – nói – đọc – viết, trang bị và củng cố từ vựng, giới thiệu và cung cấp cơ hội rèn luyện các hiện tượng ngữ pháp. Nội dung học phần xoay quanh các chủ điểm trong lĩnh vực kinh doanh và thương mại. Người học thực hành các kỹ năng ngôn ngữ thông

		qua nhiều hoạt động khác nhau trên lớp dưới sự hướng dẫn của giáo viên và được yêu cầu hoàn thành một số hoạt động tự học trước và sau giờ học.
2.1.2.		***Các học phần tự chọn** - Chọn 11 TC trong các HP sau:*
1	Quản trị chiến lược	**Số tín chỉ: 3 TC (36,18)** **Mô tả vắn tắt học phần:** Học phần Quản trị chiến lược được kết cấu theo quy trình 3 giai đoạn với 7 chương. Giai đoạn Hoạch định chiến lược trình bày các khái niệm cơ bản, mô hình và các nội dung về tầm nhìn chiến lược, sứ mạng kinh doanh và mục tiêu chiến lược của doanh nghiệp; phân tích môi trường chiến lược, nghiên cứu các loại hình chiến lược và các công cụ nhằm xây dựng và lựa chọn các phương án chiến lược phù hợp nhất với tình thế chiến lược của doanh nghiệp. Giai đoạn Thực thi chiến lược làm sáng tỏ bản chất và phân định sự khác biệt giữa thực thi và hoạch định chiến lược, các yếu tố ảnh hưởng tới quá trình triển khai chiến lược của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, quy trình triển khai chiến lược cũng được làm rõ, với các hoạt động cơ bản gồm: thiết lập mục tiêu hàng năm, xây dựng các chính sách, phân bổ các nguồn lực, tái cấu trúc tổ chức, phát huy văn hóa doanh nghiệp và lãnh đạo chiến lược. Giai đoạn Kiểm tra và đánh giá chiến lược cung cấp các tiêu chí, quy trình và khung đánh giá chiến lược, đồng thời thiết lập các quy tắc chỉ đạo kiểm tra chiến lược giúp nhà lãnh đạo thực hiện tốt nhiệm vụ này.
2	Luật kinh tế 1	**Số tín chỉ: 3TC (36,18)** **Mô tả vắn tắt học phần:** Đây là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo chuyên ngành Luật Kinh tế và là học phần bắt buộc hoặc tự chọn của các chương trình đào tạo chuyên ngành khác tại Trường đại học Thương mại. Học phần nghiên cứu những vấn đề pháp lý chung về chủ thể tiến hành hoạt động kinh doanh và đi sâu nghiên cứu bản chất pháp lý về các loại hình doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh cá thể và tổ hợp tác. Học phần cũng tập trung nghiên cứu những vấn đề chung về thành lập, tổ chức lại và phá sản của các chủ thể kinh doanh. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần cơ sở ngành cũng như những học phần có tính chuyên sâu khác trong các chương trình đào tạo và giúp cho người học đạt được mục tiêu của các chương trình đào tạo.
3	Nhập môn tài chính – tiền tệ	**Số tín chỉ: 3 TC (36,18)** **Mô tả vắn tắt học phần:** Học phần đề cập một cách có hệ thống các kiến thức cơ bản về tài chính, tiền tệ và hệ thống tài chính quốc gia trong nền kinh tế thị trường; giới thiệu nội dung hoạt động của các khâu trong hệ thống tài chính như: Ngân sách Nhà nước, Tài chính doanh nghiệp, Bảo hiểm, Tín dụng; đề cập đến hình thức tổ chức và nội dung hoạt động của các định chế tài chính trung gian và ngân hàng trung ương, cấu trúc và vận hành thị trường tài chính, các vấn đề về tài chính quốc tế. Bên cạnh đó học phần còn đề cập đến các lý thuyết về cung cầu tiền tệ, lạm phát, lãi suất, chính sách tài chính quốc gia.
4	Luật cạnh tranh và bảo vệ người	**Số tín chỉ: 3 TC (36,18)** **Mô tả vắn tắt học phần:** Học phần tập trung nghiên cứu về pháp luật cạnh tranh và pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, bao gồm những vấn đề về kiểm soát hành vi hạn chế cạnh tranh, hành vi tập trung kinh tế, hành vi cạnh tranh không lành mạnh và giải quyết tranh chấp trong cạnh tranh; về hợp đồng giữa người tiêu dùng và tổ chức, cá nhân kinh doanh cũng như các phương thức giải quyết tranh chấp giữa họ. Học phần có tính gắn

	tiêu dùng	kết chặt chẽ với các học phần có tính chuyên sâu khác trong chương trình đào tạo chuyên ngành Luật Kinh tế, nhằm giúp người học có kiến thức toàn diện về pháp luật kinh tế.
5	Nguyễn lý thống kê	**Số tín chỉ: 3 TC (36,18)** **Mô tả vắn tắt học phần:** Học phần cung cấp cho sinh viên những lý luận cơ bản về khoa học thống kê, các phương pháp thống kê bao gồm: Phương pháp thu thập và xử lý thông tin; phương pháp tính toán các chỉ tiêu đo lường hiện tượng kinh tế xã hội, phương pháp phân tích mối liên hệ, phân tích biến động của hiện tượng theo thời gian, không gian và các phương pháp dự đoán thống kê.
6	Quản trị dịch vụ	**Số tín chỉ: 3 TC (36,18)** **Mô tả vắn tắt học phần:** Học phần Quản trị dịch vụ là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành và chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành theo định hướng nghề nghiệp; đồng thời là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành và chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành Quản trị khách sạn theo định hướng nghề nghiệp. Nội dung học phần bao gồm: Khái quát về quản trị dịch vụ; quản trị các nguồn lực lao động, vốn và cơ sở vật chất kinh doanh dịch vụ; quản trị cầu dịch vụ; quản trị quá trình cung ứng dịch vụ; quản trị quan hệ khách hàng trong dịch vụ; chiến lược phát triển dịch vụ và chiến lược dịch vụ toàn cầu.
7	Khởi sự kinh doanh	**Số tín chỉ: 2TC (24,12)** **Mô tả vắn tắt học phần:** Học phần cung cấp cho người học một hệ thống kiến thức tổng quan, kết hợp đa dạng nhiều kỹ năng về khởi sự kinh doanh. Học phần khởi sự kinh doanh bao gồm các nội dung cơ bản: tổng quan về khởi sự kinh doanh; tìm kiếm và đánh giá ý tưởng kinh doanh; lập kế hoạch kinh doanh về bán hàng, marketing; lập kế hoạch về sản xuất, vận hành; lập kế hoạch về nhân sự ; lập kế hoạch về tài chính và điều hành hoạt động kinh doanh mới.
8	Luật thương mại điện tử	**Số tín chỉ: 2TC (24,12)** **Mô tả vắn tắt học phần:** Học phần tập trung nghiên cứu những vấn đề pháp lý cơ bản về thương mại điện tử, trong đó nghiên cứu pháp luật điều chỉnh về hợp đồng thương mại điện tử, website thương mại điện tử; xử lý vi phạm và giải quyết tranh chấp trong thương mại điện tử. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần có tính chuyên sâu khác nhằm giúp người học đạt được chuẩn đầu ra của các chương trình đào tạo này.
2.2.		**Kiến thức ngành và chuyên ngành**
2.2.1.		***Các học phần bắt buộc***
		Kiến thức ngành
1	Hành vi khách hàng	**Số tín chỉ: 3 TC (36,18)** **Mô tả vắn tắt học phần:** Hành vi khách hàng là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành Marketing và là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức cơ sở ngành Quản trị Kinh doanh. Ngoài nội dung khái quát giới thiệu bản chất và các quan điểm tiếp cận, học phần tập trung giới thiệu hai khối kiến thức căn bản: Thứ nhất, phân tích các đặc điểm và hành vi mua của các khách hàng là người tiêu dùng bao gồm các vấn đề về nhận thức, học tập, động cơ, thái độ, và sự ảnh hưởng của văn hóa – xã hội đến hành vi mua và qui trình quyết định mua; Thứ hai, khái quát

		chung về khách hàng tổ chức (loại hình, đặc điểm và qui trình quyết định mua của các khách hàng tổ chức) và các bậc hành vi của khách hàng tổ chức.
2	Nghiên cứu marketing	**Số tín chỉ: 3TC (36.18)** **Mô tả vắn tắt học phần:** Học phần nghiên cứu marketing thuộc khối kiến thức cơ sở ngành dành cho sinh viên chuyên ngành marketing thương mại và là học phần tự chọn đối với sinh viên của các chuyên ngành khác thuộc ngành marketing và ngành quản trị kinh doanh. Học phần Nghiên cứu marketing cung cấp những kiến thức, lý thuyết cơ bản nhằm phát triển kĩ năng nghề nghiệp cho các nhà nghiên cứu marketing/ nghiên cứu thị trường: từ khâu bắt đầu nhận biết và xác định vấn đề nghiên cứu, xây dựng dự án nghiên cứu đến triển khai thực hiện và khai thác kết quả nguồn dữ liệu thông tin cho quá trình ra quyết định marketing. Nội dung học phần gồm 09 chương; bao quát toàn bộ các giai đoạn của nghiên cứu marketing; trong đó cũng giới thiệu chi tiết một số công cụ chủ yếu được sử dụng nhằm thu thập và xử lý dữ liệu sơ cấp như các thang đo lường; thiết kế bảng câu hỏi; lập mẫu; kiểm định và phân tích dữ liệu; và thuyết trình, báo cáo kết quả nghiên cứu marketing.
3	Quản trị marketing 1	**Số tín chỉ: 3 TC (36,18)** **Mô tả vắn tắt học phần:** Quản trị marketing 1 là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành marketing. Học phần trang bị các kiến thức, kỹ năng và năng lực về tới xây dựng và đánh giá kế hoạch chiến lược marketing của doanh nghiệp, xây dựng và triển khai phối thức marketing hỗn hợp; Cụ thể nghiên cứu về các kiến thức và kỹ năng về các khái niệm cơ bản của marketing và quản trị marketing hiện đại; triết lý marketing dựa trên giá trị; quản trị thời cơ marketing; quản trị marketing mục tiêu và chiến lược marketing, phối thức marketing hỗn hợp triển khai chiến lược marketing ở doanh nghiệp; vận dụng các kiến thức kỹ năng trên trên thông qua các bài tập thảo luận, các tình huống quản trị marketing của các đơn vị.
4	Quản trị chất lượng	**Số tín chỉ: 3 TC (36,18)** **Mô tả vắn tắt học phần:** Chất lượng được coi là yếu tố then chốt quyết định lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp. Quản trị chất lượng hiệu quả cũng là hoạt động chính để xây dựng và phát triển thương hiệu. Đây là học phần thuộc khối kiến thức ngành của chương trình đào tạo các ngành quản trị kinh doanh và marketing. Với 8 chương, học phần cung cấp những kiến thức nền tảng và các quan điểm hiện đại về chất lượng và quản trị chất lượng như: các khái niệm về chất lượng và quản trị chất lượng; các yếu tố ảnh hưởng tới chất lượng; đo lường, tính toán chi phí chất lượng; mối quan hệ giữa chất lượng, năng suất và khả năng cạnh tranh của tổ chức; các hoạt động quản trị chất lượng trong tổ chức; các mô hình, phương pháp và công cụ quản trị chất lượng hiện đại, và quản lý nhà nước về chất lượng.
5	Truyền thông marketing*	**Số tín chỉ: 3 TC* (34,12,5)** **Mô tả vắn tắt học phần:** Học phần tập trung nghiên cứu những vấn đề thuộc về bản chất của hoạt động truyền thông marketing, bao gồm: bản chất của quá trình truyền thông marketing, những yếu tố chi phối đến quá trình truyền thông marketing. Nghiên cứu quy trình chung xây dựng cụ thể: kỹ năng phân tích, lập kế hoạch, thực thi, đánh giá truyền thông marketingvà quản trị hoạt động truyền thông marketing và quản trị từng thành tố của truyền thông marketing và phối hợp các công cụ này; nội dung và phương pháp xác định ngân sách cho hoạt động truyền thông. Học phần cũng nghiên cứu các quy trình xây dựng, thực hiện và đánh giá yếu tố cấu thành truyền thông marketing của doanh nghiệp, tổ chức phối hợp, thực hiện và đánh giá hoạt động truyền thông marketing của doanh nghiệp.

		Kiến thức chuyên ngành
1	Quản trị Marketing 2	**Số tín chỉ: 3 TC (36,18)** **Mô tả vắn tắt học phần:** Quản trị marketing 2 là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành của ngành marketing; học phần đề cập tới nội dung quản trị chiến thuật và tác nghiệp marketing; gồm các quyết định liên quan tới sáng tạo và cung ứng giá trị cho thị trường; truyền thông và thực hiện giá trị trên thị trường và quản trị nỗ lực marketing toàn diện ở doanh nghiệp kinh doanh; vận dụng các kiến thức trên thông qua các bài tập thảo luận, các tình huống quản trị marketing.
2	Marketing B2B	**Số tín chỉ: 3 TC (36,18)** **Mô tả vắn tắt học phần:** Marketing B2B là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành của ngành marketing. Học phần cung cấp các khái niệm cơ bản và nội dung hoạt động marketing B2B; trong đó tập trung phân định sự khác biệt giữa marketing B2B với marketing B2C. Đồng thời làm rõ hành vi mua của khách hàng tổ chức để phân đoạn thị trường B2B, xác lập chiến lược marketing, phát triển marketing-mix (nhấn mạnh những khái cạnh đặc trưng khác biệt trong quyết định các biến số marketing B2B với marketing B2C) và phát triển, quản trị mối quan hệ B2B. Học phần còn bao hàm các bài tập và tình huống cụ thể nhằm rèn luyện các kỹ năng điều tra khảo sát, phân tích hiện trạng và các giải pháp ứng xử trong thực tiễn kinh doanh hiện nay.
3	Marketing quốc tế	**Số tín chỉ: 3TC (36,18)** **Mô tả vắn tắt học phần:** Học phần bao gồm hai phần:+ *Phân tích thị trường và quản trị thời cơ marketing quốc tế*: Khái quát các quan điểm quản trị marketing quốc tế, phân tích các nhân tố môi trường marketing quốc tế và thị trường quốc tế làm cơ sở đánh giá và quản trị thời cơ marketing quốc tế của công ty kinh doanh.+ *Quản trị marketing quốc tế:* Chiến lược marketing quốc tế, quản trị các nỗ lực marketing-mix và từng thành tố của marketing mix trên thị trường quốc tế, tổ chức và kế hoạch hóa marketing quốc tế của công ty kinh doanh.
4	Marketing thương mại*	**Số tín chỉ: 3TC* (34,12,5)** **Mô tả vắn tắt học phần:** Marketing thương mại là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành của ngành marketing, và ngành quản trị kinh doanh. Học phần hình thành và sử dụng những kết quả của nghiên cứu và phân tích marketing của công ty thương mại, triển khai lựa chọn thị trường mục tiêu và hoạch định chiến lược marketing của công ty, xác lập và triển khai các quyết định marketing-mix và ứng xử các tác nghiệp công nghệ marketing thương mại trên thị trường. Thiết lập tổ chức marketing phù hợp với điều kiện kinh doanh hiện đại nhằm phát triển sức mạnh sáng tạo các giá trị gia tăng trong lĩnh vực kinh doanh thương mại và nâng cao năng lực cạnh tranh của công ty trên thị trường. Đồng thời học phần còn bao hàm các bài tập và tình huống cụ thể nhằm rèn luyện các kỹ năng điều tra khảo sát, phân tích hiện trạng và các giải pháp ứng xử trong thực tiễn kinh doanh hiện nay.
2.2.2.		***Các học phần tự chọn***
		Chọn 12 TC trong các HP sau:
1	Marketing ngân hàng	**Số tín chỉ: 3 TC (36,18)** **Mô tả vắn tắt học phần:** Học phần Marketing ngân hàng thương mại là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành của ngành marketing. Học phần trang bị các kiến thức và kỹ năng liên quan đến quản trị marketing của các ngân hàng thương mại gồm các tình thế và cơ hội đối với hoạt động marketing ngân hàng thương mại, từ đó lựa chọn và định vị trên thị trường mục tiêu và ra các quyết định

		marketing hỗn hợp cho các phân đoạn thị trường mục tiêu; thực thi và kiểm soát hoạt động marketing ở các ngân hàng thương mại; các kỹ năng vận dụng các kiến thức và kỹ năng của học phần thông qua các bài tập thảo luận, các tình huống marketing ở ngân hàng thương mại.
2	Marketing thương mại điện tử	**Số tín chỉ: 3 TC (36,18)** **Mô tả vắn tắt học phần:** Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức, các quan niệm quản trị marketing thương mại điện tử, bao gồm các vấn đề: Quan điểm tiếp cận quản trị TMĐT về marketing trên Internet; hành vi người mua hàng trực tuyến; mô hình hệ thống, phân tích cạnh tranh và định vị trên thị trường ảo của doanh nghiệp; lựa chọn chiến lược và xây dựng kế hoạch marketing TMĐT; lựa chọn, khai thác, sử dụng, phối hợp các công cụ, ứng dụng, dịch vụ hỗ trợ trực tuyến trong marketing TMĐT; quản trị các nỗ lực marketing TMĐT và việc vận dụng chúng để định hướng, chỉ đạo các hoạt động marketing B2B, B2C và các dịch vụ trên Internet.
3	Quản trị bán hàng	**Số tín chỉ: 3 TC (36,18)** **Mô tả vắn tắt học phần**: Học phần Quản trị bán hàng thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo chuyên ngành quản trị kinh doanh, bao gồm các nội dung Khái luận về bán hàng và quản trị bán hàng; Kỹ năng bán hàng và Quản lý chế độ khách hàng lớn; Lập kế hoạch bán hàng; Quản trị đội ngũ bán hàng; Tổ chức điểm bán hàng; Kiểm soát bán hàng; Chăm sóc khách hàng và thực hiện dịch vụ sau bán hàng.
4	Marketing du lịch	**Số tín chỉ: 3 TC (36,18)** **Mô tả vắn tắt học phần:** Học phần Marketing du lịch là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành (bao gồm chuyên ngành) trong chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (*Định hướng nghề nghiệp*) và ngành Quản trị khách sạn (*Định hướng nghề nghiệp*). Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản cho sinh viên về: Tổng quan về marketing du lịch; phân tích cơ hội và nghiên cứu marketing; phân tích hành vi của khách hàng; phân đoạn, lựa chọn thị trường mục tiêu và định vị; kế hoạch marketing; chính sách sản phẩm; chính sách giá; chính sách phân phối; chính sách xúc tiến trong kinh doanh du lịch; các chính sách khác trong kinh doanh du lịch.
5	Quản trị Thương mại điện tử 1	**Số tín chỉ: 3 TC (36,18)** **Mô tả vắn tắt học phần:** Học phần cung cấp những kiến thức chuyên sâu về bán lẻ điện tử, bao gồm: Khái niệm bán lẻ điện tử, lợi ích và những khó khăn bán lẻ điện tử, các mô hình bán lẻ điện tử, xây dựng kế hoạch mặt hàng trong bán lẻ điện tử, quản lý và vận hành website bán lẻ điện tử, tổ chức bán qua mạng xã hội, thực hiện đơn hàng điện tử, xử lí các vấn đề sau bán lẻ điện tử, quản trị quan hệ khách hàng trong bán lẻ điện tử.
6	Quản trị công ty	**Số tín chỉ: 3 TC (36,18)** **Mô tả vắn tắt học phần:** Học phần Quản trị công ty bao gồm 6 chương. Chương 1 đưa ra kiến thức Tổng quan về quản trị công ty, các khái niệm cơ bản cũng như vai trò và lợi ích của quản trị công ty; Chương 2 tập trung và hệ thống hóa các lý thuyết, qui tắc và mô hình quản trị công ty phổ biến trên thế giới đồng thời giới thiệu về các mô hình quản trị công ty chủ yếu ở Việt Nam; Chương 3 đi sâu vào làm rõ nội dung về cổ đông và các bên có liên quan; Chương 4 trình bày các nội dung về Hội đồng quản trị; Chương 5 là vấn đề công bố thông tin và kiểm soát trong quản trị công ty; Cuối cùng, chương 6 thảo luận về đánh giá hệ thống quản trị công ty theo một số thông lệ quản trị công ty tốt nhất trên thế giới và Việt Nam.

7	Quản trị chuỗi cung ứng	**Số tín chỉ: 3 TC (36,18)** **Mô tả vắn tắt học phần**: Học phần cung cấp kiến thức tổng quan về hoạt động quản trị chuỗi cung ứng trong môi trường kinh doanh toàn cầu hóa, được kết cấu theo 3 nội dung chính của kiến thức quản trị chuỗi cung ứng hiện đại và kết nối thành 6 chương. Mục tiêu của quản trị chuỗi cung ứng là tối đa hoá giá trị cho toàn hệ thống, cho từng thành viên tham gia chuỗi và cung cấp giá trị gia tăng tới khách hàng. Các quyết định trong quản trị chuỗi cung ứng có thể mang tính chiến lược, kế hoạch hoặc tác nghiệp. Các quyết định chiến lược liên quan đến quá trình thiết kế và định dạng chuỗi cung ứng. Các quyết định này có tác động dài hạn và bao gồm quyết định về mức độ thuê ngoài các chức năng của chuỗi, địa điểm và qui mô nhà máy sản xuất/kho bãi, phương thức vận chuyển và hệ thống thông tin. Các quyết định mang tính kế hoạch có thể được xây dựng trong thời gian một năm và bao gồm các quyết định về kế hoạch sản xuất, thầu phụ và hoạt động xúc tiến trong giai đoạn đó. Các quyết định tác nghiệp thường mang tính tức thời và hàng ngày liên quan đến quá trình sản xuất và đáp ứng đơn đặt hàng cụ thể. Dù ở bậc quyết định nào, những người làm công tác quản trị chuỗi cung ứng luôn tập trung vào năng lực nâng cao kết quả của toàn bộ chuỗi, đảm bảo đáp ứng cao nhất những yêu cầu của thị trường.
8	Quản trị thương hiệu 2	**Số tín chỉ: 3 TC (36,18)** **Mô tả vắn tắt học phần:** Đây là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, cung cấp những kiến thức mở rộng và nâng cao về một số thương hiệu đặc thù và quản trị các thương hiệu đó theo tiếp cận tư duy chiến lược. Các nội dung chủ yếu sẽ được đề cập trong học phần gồm: Các tiếp cận, những nguyên tắc và các nội dung, điều kiện để phát triển các thương hiệu tổ chức, thương hiệu dịch vụ, thương hiệu cá nhân, thương hiệu tập thể và thương hiệu địa phương, thương hiệu toàn cầu.
2.3.		**Kiến thức bổ trợ**
2.3.1.		***Các học phần bắt buộc***
1	Quản trị Logistics kinh doanh	**Số tín chỉ: 3 TC (36,18)** **Mô tả vắn tắt học phần:** Học phần trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về hoạt động logistics như một hợp phần quan trọng của hệ thống kinh doanh tại doanh nghiệp trong xu hướng toàn cầu hóa. Bằng phương pháp tiếp cận quản trị theo quá trình, từ lập kế hoạch tới tổ chức, kiểm tra đánh giá các nỗ lực logistics, học phần cung cấp một các khái quát các bước trong tiến trình ứng dụng logistics tại doanh nghiệp. Bên cạnh đó, các hoạt động logistics cơ bản như dịch vụ khách hàng, dự trữ, vận chuyển, mua hàng, đóng gói, bảo quản, logistics ngược... được kết nối thành một chuỗi liên kết nhằm nhấn mạnh vào tương quan phối hợp, hỗ trợ và bản chất tích hợp của các hoạt động này và hướng tới mục tiêu tối ưu hóa các dòng cung ứng nguyên liệu, sản phẩm tại doanh nghiệp. Với cấu trúc thiết kế này, học phần mong muốn cung cấp cho người học một hệ thống kiến thức đồng bộ và khả năng tư duy kết nối linh hoạt các hoạt động logistics trong một hệ thống và hướng tới sự phát triển mạnh mẽ của lý thuyết quản trị logistics trong kinh doanh hiện đại.
2	Quản trị thương	**Số tín chỉ: 3 TC (36,18)** **Mô tả vắn tắt học phần:** Đây là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, cung cấp những kiến thức cơ bản về thương hiệu và quản trị thương hiệu từ tư duy chiến lược đến thực tiễn triển khai. Các nội dung chủ yếu sẽ được đề cập trong học

	hiệu 1	phần gồm: Các tiếp cận khác nhau về thương hiệu và những yếu tố tác động đến sự phát triển thương hiệu của doanh nghiệp; kiến thức và kỹ năng thiết kế và triển khai hệ thống nhận diện thương hiệu; các biện pháp bảo vệ thương hiệu và kỹ năng xử lý các tình huống tranh chấp thương hiệu; hoạt động truyền thông thương hiệu; định hướng phát triển thương hiệu.
2.3.2.		***Các học phần tự chọn***
		Chọn 6 TC trong các HP sau:
1	Chiến lược kinh doanh quốc tế	**Số tín chỉ: 3 TC (36,18)** **Mô tả vắn tắt học phần:** Học phần Chiến lược kinh doanh quốc tế (CLKDQT) là học phần chuyên ngành của ngành Quản trị kinh doanh; bao gồm những nội dung, kiến thức căn bản về quản trị CLKDQT và vận dụng thực tiễn của DN trong kinh doanh quốc tế nói chung. Học phần Chiến lược kinh doanh quốc tế được chia thành 5 chương chính. Chương 1 đề cập tới những diễn biến hiện thời trên thị trường quốc tế, đánh giá những động cơ thúc đẩy một doanh nghiệp cần và nên thực hiện kinh doanh quốc tế. Chương 2 và chương 3 phân tích môi trường bên ngoài và bên trong của DN kinh doanh quốc tế. Chương 4 trình bày những chiến lược kinh doanh quốc tế điển hình mà doanh nghiệp theo đuổi, dựa trên 2 biến số thích ứng địa phương và tích hợp toàn cầu. Chương 5 cung cấp cái nhìn đầy đủ về tổ chức triển khai CLKDQT của doanh nghiệp và các vấn đề về quản trị sự thay đổi và xung đột trong kinh doanh.
2	Nguyên lý kế toán	**Số tín chỉ: 3 TC (36,18)** **Mô tả vắn tắt học phần:** Học phần nghiên cứu những vấn đề lý luận chung về kế toán như: bản chất, chức năng, nhiệm vụ của kế toán, nội dung đối tượng của kế toán, các phương pháp kế toán: chứng từ, tài khoản, tính giá, tổng hợp và cân đối kế toán, sổ kế toán và hình thức kế toán và vận dụng trong kế toán các hoạt động chủ yếu của đơn vị kế toán.
3	Quản trị nhân lực căn bản	**Số tín chỉ: 3 TC (36,18)** **Mô tả vắn tắt học phần:** Học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành của chương trình đào tạo ngành Quản trị nhân lực. Học phần bao gồm các nội dung chính: khái niệm và vai trò của quản trị nhân lực, mối quan hệ của quản trị nhân lực với các hoạt động quản trị khác, các học thuyết quản trị nhân lực, các nội dung cơ bản của quản trị nhân lực theo tiếp cận quá trình (hoạch định nhân lực, phân tích công việc, tổ chức bộ máy quản trị nhân lực, tổ chức hoạt động quản trị nhân lực, tạo động lực cho người lao động, kiểm soát hoạt động quản trị nhân lực).
4	Nguyên lý quản lý kinh tế	**Số tín chỉ: 3 TC (36,18)** **Mô tả vắn tắt học phần:** Học phần cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về quản lý kinh tế. Nội dung chính của học phần bao gồm những kiến thức cơ bản, có tính chất nguyên lý về lược sử các tư tưởng kinh tế; bản chất, đặc điểm, vai trò của quản lý kinh tế; các nguyên tắc, phương pháp và công cụ quản lý kinh tế chủ yếu; cơ cấu tổ chức bộ máy và vấn đề cán bộ quản lý kinh tế; thông tin và quyết định quản lý kinh tế.
2.4	Thực tập nghề nghiệp	Gồm có 02 giai đoạn
		Số tín chỉ: 3 TC (0,90) **Mô tả vắn tắt học phần:** Giai đoạn 1 thực tập và làm báo cáo thực tập tổng hợp 3TC: người học tìm hiểu thực tế ở đơn vị thực tập về hoạt động marketing và marketing thương mại đang diễn ra ở doanh nghiệp, và tổ chức hoạt động marketing

	và làm tốt nghiệp khóa học	và marketing thương mại ở doanh nghiệp, đánh giá các hoạt động này, và dề xuất phương án hoàn thiện
		Số tín chỉ: 7 TC (0,210) **Điều kiện học phần:** Báo cáo thực tập tổng hợp đạt, và nhận dạng được vấn đề cho khóa luận tốt nghiệp **Mô tả vắn tắt học phần:** Giai đoạn 2 thực tập và làm khóa luận tốt nghiệp 7TC: Sinh viên có thể thực hiện đề tài khoa học ứng dụng, bằng cách thâm nhập vào thực tế, tìm hiểu và giải quyết một vấn đề thực tế marketing và marketing thương mại của doanh nghiệp; dựa trên hệ thống cơ sở lý luận và phương pháp khoa học rõ ràng. Sinh viên có thể thực tiễn hóa được hoạt động nghiên cứu và thực hành nghề marketing và marketing thương mại theo các vấn đề cấp thiết của doanh nghiệp, của xã hội.